

## PHỤ LỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đính kèm Công văn số: /KSBT-DVTTYT ngày .... / 5/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang về việc đề nghị báo giá Vật tư, hóa chất, sinh nguồn giám sát chất lượng nước sạch)

STT	Tên danh mục	Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách nhỏ nhất, thông số kỹ thuật, đặc tính, năm sản xuất, ...)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hóa chất</b>				
1	Eriochrome black T (C <sub>20</sub> H <sub>12</sub> N <sub>3</sub> O <sub>7</sub> SNa)	Hàm lượng ≥ 99.0 %; Hoá chất tinh khiết phân tích; Lọ 25 g	g	25	
2	Triethanolamine	Hàm lượng ≥ 99.0 %; Hoá chất tinh khiết phân tích	ml	250	
3	Di Natri Magie EDTA (C <sub>10</sub> H <sub>12</sub> N <sub>2</sub> O <sub>8</sub> Na <sub>2</sub> Mg)	Hàm lượng ≥ 99.0 % ; Hoá chất tinh khiết phân tích ; Chai 250 ml	g	100	
4	Chất chuẩn Chlorpyrifos 99,5%	Chất chuẩn tinh khiết dùng sắc ký lỏng khối phổ (LC/MS/MS); Lọ 100 g	Lọ	01	
5	Chuẩn Mix Triazine	Chất chuẩn tinh khiết dùng sắc khí khối phổ Nồng độ 100 µg/mL trong methanol Lọ 1ml	Lọ	01	
6	Ống chuẩn EDTA 0,1N	Hàm lượng ≥ 99.0 %; Hoá chất tinh khiết phân tích	Ống	01	
7	Natri salixilat (C <sub>7</sub> H <sub>6</sub> O <sub>3</sub> Na)	Hàm lượng ≥ 99.5 %%; Hoá chất tinh khiết phân tích; <b>Chloride (Cl)</b> ≤ 0.002 %; Lọ 1000 g	g	1000	
8	Tri natri xitratdihidrat (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> O <sub>7</sub> Na <sub>3</sub> .2H <sub>2</sub> O)	Hàm lượng ≥ 99.0 % ; Hoá chất tinh khiết phân tích Lọ 1000 g	g	1000	
9	Dung dịch chuẩn NO <sup>3-</sup> 1000mg/l	Dung dịch chuẩn NO <sup>3-</sup> hàm lượng 1000mg/l; Hoá chất tinh khiết phân tích Chai 500 ml	ml	500	
10	Hg <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Hàm lượng ≥ 99.0 % Hoá chất tinh khiết phân tích	g	200	

STT	Tên danh mục	Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách nhỏ nhất, thông số kỹ thuật, đặc tính, năm sản xuất, ...)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Dung dịch pH chuẩn pH=4,00	pH chuẩn 4.0 (H <sub>2</sub> O, 25 °C) dung sai ± 0,02 đơn vị pH	ml	500	
12	Dung dịch pH chuẩn pH=7,00	pH chuẩn 7.0 (H <sub>2</sub> O, 25 °C) dung sai ± 0,02 đơn vị pH	ml	500	
13	Dung dịch pH chuẩn pH=10,00	pH chuẩn 10.0 (H <sub>2</sub> O, 25°C); dung sai ± 0,02 đơn vị pH	ml	500	
14	Gói thử Clo dư	Hanna HI93701-0 Free Chlorine Reagent	gói	200	
15	Thạch Pseudomonas agar base	Dạng bột, quy cách 500g/ hộp, kiểm tra tính năng của môi trường nuôi cấy theo tiêu chuẩn ISO 11133  Thành phần (g/l): Peptic digest of animal tissue (16g), Casein enzymic hydrolysate (10g), Potassium sulphate (10g), Magnesium chloride hexahydrate (1.4g), Agar (11g)	gam	500	
16	Natri chloride (NaCl)	Độ tinh khiết > 99,5 % Quy cách: 500 g/ hộp	gam	1000	
17	Thạch baird parker (Baird Parker Agar)	Dạng bột, quy cách 500g/ hộp, kiểm tra tính năng của môi trường nuôi cấy theo tiêu chuẩn ISO 11133  Thành phần (g/l): agar (15 g), casein peptone (10 g), glycine (12 g), lithium chloride (5 g), meat extract (5 g), sodium pyruvate (10 g), yeast extract (1 g)	gam	500	
18	Huyết tương thỏ đông khô (bactident coagulase rabbit plasma)	Dạng đông khô Quy cách: 6 lọ x 3ml/ hộp  Tính đặc hiệu: Staphylococcus aureus ATCC 25923 (WDCM 00034) +, Staphylococcus epidermidis ATCC 12228 (WDCM 00036) -	Hộp	2	
19	BHI (Brain heart Infusion broth)	Dạng bột, quy cách 500g/ hộp, đạt tiêu chuẩn IVD  Thành phần (g/l): beef heart (5 g), calf	gam	500	

STT	Tên danh mục	Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách nhỏ nhất, thông số kỹ thuật, đặc tính, năm sản xuất, ...)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		brains (12.5 g), disodium hydrogen phosphate (2.5 g), D (+)-glucose (2 g), peptone (10 g), sodium chloride (5 g)			
<b>II</b>	<b>Vật tư</b>				
20	Sample cup, MS-20 WH - ống đựng mẫu	2ml cup Polypropylene, túi /50 chiếc (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Túi	1	
21	Test tube, ET-16 - ống đựng mẫu	For flame continuous method, Capacity 15mL, Ø16 x 100 (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Chiếc	50	
22	Cooling Block ASSY, L	206-51023-91 (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Chiếc	1	
23	Cooling Block ASSY, R	206-51023-92 (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Chiếc	1	
24	Graphite Cap	206-50602 (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Chiếc	1	
25	Pyrolytic graphite Tube	Loại dùng trên máy AAS7000 hãng Shimadzu	Cái	5	
26	Graphite Holder	206-50603 (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Chiếc	1	
27	O-ring	036-11003 (Phụ kiện của máy AAS7000 hãng Shimadzu)	Chiếc	1	
28	Cuvet thạch anh	Chiều dài quang học là 10mm, Bước sóng đo được: 190nm - 2500nm, Kích thước: 45*12.5*12.5mm, (Dùng cho máy UV-VIS 1800 hãng Shimadzu)	Chiếc	06	
29	Micropipet Pipet loại 100µL	Micropipet 10-100µl, 1 kênh - Nhiệt độ tiệt trùng: 121oC	Chiếc	1	
30	Micropipet Pipet loại 200µL	Micropipet 20-200µl, 1 kênh - Nhiệt độ tiệt trùng: 121oC	Chiếc	1	
31	Quả bóp cao su 3van	Loại phân tích	Quả	05	
32	Quả bóp cao su 1 van	Loại phân tích	Quả	05	

STT	Tên danh mục	Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách nhỏ nhất, thông số kỹ thuật, đặc tính, năm sản xuất, ...)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
33	Bình tia nhựa 500ml	Chất liệu dùng HDPE	Chiếc	05	
34	Bình tam giác thủy tinh 100ml	Loại dùng trong phòng phân tích, thể tích 100 ml	Chiếc	100	
35	Sensor máy đo pH	Sensor máy đo pH lắp vào máy đo pH hãng Thermo  Model Orion Star A211 vận hành bình thường; đo chuẩn đạt yêu cầu theo quy định. Có chứng nhận chất lượng	Cái	01	
36	Pipet	- Đóng gói từng chiếc, vô khuẩn - Thể tích hút 10 ml, có vạch chia 1ml - Chất liệu nhựa	Chiếc	100	
37	Pipet	- Đóng gói từng chiếc, vô khuẩn - Thể tích hút 1 ml, có vạch chia 0,1ml - Chất liệu nhựa - Đóng gói từng chiếc, vô khuẩn	Chiếc	100	
38	Màng lọc vi sinh	Màng lọc Cellulose KT lỗ lọc 0,45 $\mu$ m, đóng gói từng chiếc, vô khuẩn, có kẻ ô vuông	Chiếc	200	
<b>III.</b>	<b>Thiết bị</b>				
39	Thiết bị đo nhanh độ đục	Dải đo: 0-1000 NTU  Độ chính xác: $\pm 2\%$ giá trị đo  Độ tuyến tính: $\pm 1\%$  Độ phân giải: 0.01 NTU  Loại cảm biến: Silicon Photodiode  Bộ thiết bị cung cấp bao gồm: Pin AA, hộp đựng máy, dung dịch chuẩn (10, 20, 100, 800 NTU), ống đựng mẫu với nắp đậy, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn nhanh và dầu silicone và vải lau  Bảo hành 12 tháng	Chiếc	01	

STT	Tên danh mục	<b>Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật</b> (Model, quy cách nhỏ nhất, thông số kỹ thuật, đặc tính, năm sản xuất, ...)	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
40	Thiết bị đo nhanh màu sắc	<p>Model: EC 2000 Pt-Co</p> <p>Máy so màu nước theo thang màu Platin-Cobalt, Hazen hoặc APHA Colour, True Colour Unit (TCU)</p> <p>*Thang màu: Pt-Co</p> <p>*Thang đo: 2-500 Pt-Co</p> <p>*Độ phân giải: 1 đơn vị Pt-Co</p> <p>*Giới hạn phát hiện: 2 Pt-Co</p> <p>Chất chuẩn tham chiếu chất lỏng kèm theo máy mỗi loại 500 ml; Kính chuẩn</p> <p>Cell đo (3x50mm W100 Plastic) và (1x 50 mm W100 OG)</p> <p>vali đựng máy, Bảo hành 12 tháng</p>	Chiếc	01	
41	Thiết bị đo nhanh oxy hoà tan/nhiệt độ cầm tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Model AL20 Oxi</li> <li>- Khoảng đo nồng độ oxy: 0.00 – 25.00 mg/l, 0.0 – 70.0 mg/l.</li> <li>- Độ chính xác: <math>\pm 1.5\% \pm 0.2</math> mg/l (0 ... 25 mg/l)</li> <li>- Khoảng đo nhiệt độ: -5.0 ... + 50.00 Độ chính xác: <math>\pm 0.1</math>oC</li> <li>- Có chức năng điều khiển chống trôi</li> <li>- Môi trường hoạt động: nhiệt độ: 0 ... +500C</li> <li>- Điện: 4 pin 1.5V hoạt động 12000 giờ, tự động tắt máy.</li> </ul> <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy đo oxy/nhiệt độ</li> <li>- 1 điện cực đo Oxy/nhiệt độ dài 1,5m</li> <li>- 1 lọ dung dịch châm điện cực 100ml</li> <li>- 3 màn điện cực thay thế, pin 4x1.5V</li> </ul>	Chiếc	01	

<b>STT</b>	<b>Tên danh mục</b>	<b>Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách nhỏ nhất, thông số kỹ thuật, đặc tính, năm sản xuất, ...)</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
		- Valy đựng máy			
<b>IV</b>	<b>Chủng chuẩn</b>				
42	Chủng chuẩn C. albicans ATCC 10231	C.albicans ATCC 10231 đời F3, dạng đông khô	Ống	02	
43	Chủng chuẩn Salmonella enteritidis ATCC 13076 đời F3	Salmonella enteritidis ATCC 13076 đời F3, dạng đông khô	Ống	02	
44	Chủng chuẩn B. cereus ATCC 11778 đời F3	B. cereus ATCC 11778 đời F3, dạng đông khô	Ống	02	
45	Chủng chuẩn Clostridium perfringens ATCC 105433 đời F3	Clostridium perfringens ATCC 105433 đời F3, dạng đông khô	Ống	02	

**Tổng: 45 khoản**

## Mẫu báo giá

### Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

#### BÁO GIÁ <sup>(1)</sup>

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang, chúng tôi ..... [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

ST T	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/ khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1										
2										
...										
<b>Tổng cộng:</b>										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày ...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày.... tháng.... năm ....

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp <sup>(2)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

#### Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.